TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI XHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Thế Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, bà Hoàng Thị Thanh
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*/Nguyên đơn: Bà Võ Thị C - sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn T , xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
*/ Bị đơn: Ông Trần Văn B – sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn T , xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị C trong quá trình giải quyết vụ án thì: Bà và ông Trần Văn B kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 04 con chung: Trần Võ Trung N, sinh năm 2001, Trần Võ La T, sinh năm 2005, Trần Võ Trung T1, sinh năm 2008, Trần Võ Khánh L, sinh năm 2011.

Về tài sản chung: Có nhà và đất rẫy. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc bà làm đơn xin ly hôn với ông Trần Văn B là: kể từ sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà không được hạnh phúc vì ông B thường xuyên uống rượu, trong gia đình có những vấn đề nhỏ nhặt không đáng có nhưng ông B vẫn mượn cớ uống rượu vào và chửi bới vợ con. Đỉnh điểm là khoảng 3 năm trở lại đây, vợ chồng càng ngày càng bất hòa, tất cả mọi việc đối nội, đối ngoại, lo cho con cái ăn học, đi bộ đội đều do bà đứng ra lo liệu nhưng ông B lại kiếm cớ ghen tuông vô cớ, ghen tuông với bất cứ người nào mà bà có liên hệ công việc; ông B có tuyên bố là sẽ giết bà một cách từ từ, nhiều lần chỉ có hai vợ chồng ông B đã có hành vi nhấn bà xuống dưới hồ, định bóp cổ hoặc đòi

lấy kéo để cắt tóc, đâm bà nhưng bà bỏ chạy được. Chung sống với ông B bà cảm thấy rất áp lực, lo lắng, tình cảm của bà đối với ông B không còn. Cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, sống không có niềm tim và trách nhiệm với nhau. Do lo sợ chung sống với ông B sẽ nguy hiểm tới tính mạng nên bà đã về sống tại nhà mẹ ruột 1,5 tháng nay. Và quyết định làm đơn ly hôn. Về con chung: bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn B trong quá trình giải quyết vụ án thì: Ông và bà Võ Thị C kết hôn năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có các con chung là Trần Võ Trung N, sinh năm 2001, Trần Võ La T, sinh năm 2005, Trần Võ Trung T1, sinh năm 2008, Trần Võ Khánh L, sinh năm 2011. Về tài sản chung: Có nhà ở và đất rẫy. Về mâu thuẫn vợ chồng là ông thấy bà C đi chơi nhưng không biết đi với ai, làm gì, ông nghi ngờ bà C đi với người đàn ông tên Võ Xuân H, tuy nhiên ông không có bằng chứng gì chứng minh là bà C có mối quan hệ không đứng đắn với người này. Ông nhiều lần khuyên bảo nhưng không được, hai năm gần đây bà C tự xa lánh ông. Ông có đe dọa sẽ đánh và giết bà C nhưng đó chỉ là lời đe dọa chứ nếu ông làm gì đã có chính quyền triệu tập. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà C thì ông phải trực tiếp gặp bà C mới có câu trả lời. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông muốn nuôi dưỡng các con chung, tài sản chung để cho ông để nuôi dưỡng các con chung. Nếu bà C muốn ly hôn thì phải ra đi một mình.

Theo lời trình bày của các cháu Trần Võ La T, Trần Võ Trung T1, Trần Võ Khánh L thì ba các cháu thường xuyên uống rượu, chửi bới mẹ và các cháu, dùng những lời lẽ thậm tệ, ví như đồ súc vật, và có xu hướng bạo lực, đe dọa, ảnh hưởng đến tâm lý và tinh thần của các cháu. Do đó, nếu ba mẹ ly hôn thì nguyện vọng các cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa ông B vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với bà C. Tuy nhiên nếu Hội đồng xét xử xử cho bà C ly hôn với ông thì về con chung các cháu đã lớn nên các cháu muốn ở với ai thì theo nguyện vọng của các cháu. Nếu các cháu ở với bà C thì ông không cấp dưỡng, nếu sau này bà C không nuôi dưỡng được các cháu thì các cháu về với ông, ông sẽ nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc "Ly hôn". Xử cho bà Võ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn B. Về con chung: Giao các cháu Trần Võ La T, sinh ngày 15/8/2005, Trần Võ Trung T1, sinh năm 22/4/2008, Trần Võ Khánh L, sinh ngày 26/8/2011 cho bà Võ Thị C được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Buộc

nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Trần Văn B, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn (ông Trần Văn B) có đăng ký hộ khẩu và hiện trú tại thôn T , xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bà Võ Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị C và ông Trần Văn B kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, hôn nhân tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, bà C và ông B đều thừa nhận cả hai thường xảy ra mâu thuẫn. Ông Trần Văn B có những hành vi vi phạm về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ vợ chồng, khiến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả dẫn đến cả hai đã sống ly thân. Do vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà C và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, xử cho bà C được ly hôn với ông B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu Trần Võ La T, sinh năm 2005, Trần Võ Trung T1, sinh năm 2008, Trần Võ Khánh L, sinh năm 2011, đây cũng là nguyện vọng của các cháu, vì trong cuộc sống các cháu thường bị ông B chửi bới, đe dọa đánh đập. Tại phiên tòa, ông B cũng đồng ý các cháu muốn ở với ai thì theo nguyện vọng của các cháu. HĐXX xét thấy, những hành vi của ông B trong cuộc sống gia đình đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo quy định tại Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, để các cháu ổn định tâm lý, đảm bảo việc nuôi dưỡng, giáo dục các cháu sau khi ly hôn được ổn định, HĐXX nghĩ cần giao các cháu cho bà Võ Thị C được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí DSST: bà Võ Thị C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST về việc ‘Ly hôn”

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xem xét cần được chấp nhận chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Võ La T, sinh ngày 15/8/2005, Trần Võ Trung T1, sinh năm 22/4/2008, Trần Võ Khánh L, sinh ngày 26/8/2011 cho bà Võ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí DSST: bà Võ Thị C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006704 ngày 22/7/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng